

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/DS-PT
Ngày 10 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLPT-DS ngày 20/6/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hà B, sinh năm 1977. (có mặt).

Địa chỉ: Số S, đường 12, khu phố 3, phường B, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố Thủ Đức).

2. *Đồng bị đơn:*

2.1. Ông **Phạm Vũ Nhật T**, sinh năm 1973. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2.2. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1965. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người kháng cáo:* Ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P là đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hà B trình bày:

Trong năm 2017 giữa ông và bà Nguyễn Thị P, ông Phạm Vũ Nhật T có nhiều lần giao dịch vay mượn tiền, theo đó ông cho bà P, ông T vay tiền, mỗi lần cho vay ông chuyển tiền vào tài khoản của chồng bà P là ông Phạm Vũ Nhật T, khi vay thì không làm giấy tờ gì, lãi suất thỏa thuận có khi 5%, có khi 6% (lãi do bà P tự nêu ra và hai bên thống nhất thỏa thuận về lãi) và bà P có đóng lãi nhưng đóng không đầy đủ và đóng lãi bao nhiêu thì ông không nhớ do thời gian đã quá lâu. Đến ngày 16/5/2021, hai bên thống nhất số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Sau khi hai bên ký hợp đồng vay tiền thì bà P trả cho ông được 18.000.000 đồng lãi, sau đó thì ngưng đóng cho đến nay.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông T, bà P trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 25.000.000 đồng tiền nợ lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh chỉ yêu cầu ông T, bà P trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc, đồng ý với số tiền lãi đã nhận là 18.000.000 đồng, không yêu cầu ông T, bà P trả thêm khoản tiền lãi 25.000.000 đồng như đơn khởi kiện, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Trong năm 2017 bà có nhiều lần vay tiền của ông Nguyễn Hà B, lãi suất vay là 5%, có khi 6%, bà đóng lãi đầy đủ cho ông B đến ngày chốt nợ (ngày 16/5/2021) với tổng số tiền lãi đã đóng là 186.400.500 đồng, việc trả lãi bằng hình thức chuyển khoản cho ông B thông qua 15 phiếu chuyển tiền. Đến ngày 16/5/2021, bà và ông B thống nhất tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và bà đã đóng lãi cho ông B thêm 18.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng trước và sau khi ký hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2021 bà đã trả cho ông B 204.400.500 đồng tiền lãi, nhưng bà chỉ yêu cầu số tiền là 200.000.000 đồng. Bà thừa nhận còn nợ lại ông B số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, nhưng do số tiền lãi đã trả quá nhiều nên bà yêu cầu trừ tiền lãi đã đóng vào tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 100.000.000 đồng bà đồng ý trả cho ông B. Bà P xác định đây là nợ riêng của bà, không phải nợ chung vợ chồng nên ông T không có trách nhiệm trả nợ cùng bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Phạm Vũ Nhật T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị P là vợ chồng sống chung một nhà, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc làm ăn của bà P ông không biết đến. Ông có cho bà P mượn thẻ ngân hàng đứng tên ông để ông B chuyển tiền vào tài khoản, khi chuyển tiền thì tin nhắn có hiển thị nên ông biết việc ông B có chuyển tiền, nhưng ông không có sử dụng số tiền này nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện buộc ông cùng có trách nhiệm trả số tiền là 300.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hà B về việc yêu cầu ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho anh số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

2. Buộc ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hà B số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 5 năm 2022 ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Ông Phạm Vũ Nhật T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét theo hướng không buộc ông cùng có trách nhiệm với bà Nguyễn Thị P trả khoản nợ vay cho ông Nguyễn Hà B. Bà Nguyễn Thị P yêu cầu cấp phúc thẩm cản trừ số tiền bà đã đóng lãi cho ông Nguyễn Hà B là 200.000.000 đồng vào số tiền nợ vốn gốc là 300.000.000 đồng. Bà P đồng ý trả cho ông B số tiền sau khi cản trừ là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P yêu cầu cấp phúc thẩm căn trừ số tiền bà đã đóng lãi cho ông Nguyễn Hà B là 200.000.000 đồng vào số tiền nợ vốn gốc là 300.000.000 đồng. Bà P đồng ý trả cho ông B số tiền sau khi căn trừ là 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử, nhận thấy rằng:

[2.1] Ông B khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán tiền nợ vay số tiền 300.000.000 đồng. Cả ông B và bà P đều xác định từ năm 2017 đến ngày 16/5/2021 bà P có nhiều lần vay tiền của ông B, đến ngày 16/5/2021 hai bên thống nhất số tiền bà P còn nợ lại của ông B là 300.000.000 đồng và bà P có ký vào Hợp đồng vay vốn ngày 16/5/2021, từ khi ký kết hợp đồng bà P chưa thanh toán khoản nợ này cho ông B. Xét hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2021 giữa ông B và bà P là có xảy ra trên thực tế vì được cả hai bên thừa nhận nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Bà P yêu cầu căn trừ số tiền bà đã đóng lãi cho ông B là 200.000.000 đồng. Bà P cung cấp 15 phiếu chuyển tiền với số tiền 186.400.500 đồng và số tiền lãi 18.000.000 đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng vay tiền. Đối với 15 phiếu chuyển tiền ông B xác định các khoản tiền này là trả vốn chứ không phải trả lãi, do hai bên vay rất nhiều khoản tiền và bằng nhiều hình thức khác nhau như đưa tiền mặt và chuyển khoản, việc trả vốn, lãi diễn ra rất nhiều lần, sau đó mới tổng kết lại vào ngày 16/5/2021 bà P còn nợ lại ông B số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà P xác định 15 phiếu chuyển tiền là trả lãi thì bà P phải có nghĩa vụ chứng minh, nội dung của 15 phiếu chỉ ghi chuyển tiền không thể hiện rõ là trả lãi, trong khi đó ông B không thừa nhận số tiền này là trả lãi nên không có căn cứ xác định bà P đã trả lãi cho ông B để đối trừ nợ theo yêu cầu của bà P. Đối với số tiền 18.000.000 đồng tiền lãi mà bà P đã đóng cho ông B sau khi hai bên tổng kết nợ với nhau ngày 16/5/2021, bà P cũng yêu cầu đối trừ, ông B không đồng ý đối trừ, ông B đồng ý nhận khoản tiền này là tiền lãi từ ngày chốt nợ đến ngày xét xử sơ thẩm và ông B không yêu cầu khoản tiền lãi nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày chốt nợ đến ngày xét xử sơ thẩm nhiều hơn số tiền 18.000.000 đồng nên việc bà P yêu cầu đối trừ là không phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của ông Phạm Vũ Nhật T về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét theo hướng không buộc ông cùng có trách nhiệm với bà Nguyễn Thị P trả khoản nợ vay cho ông Nguyễn Hà B. Ông T cho rằng ông không có liên quan trong vụ việc tranh chấp giữa ông B và bà P vì khi hai bên ký kết hợp đồng ông không hay biết, tuy ông và bà P là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng bà P có hộ khẩu thường trú ở ấp Y, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu còn ông có hộ khẩu thường trú ở ấp X, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, việc quản lý tài sản và tiền bạc của bà P không liên quan đến ông, việc vay mượn tiền của bà P không sử dụng cho việc trong gia đình, bà P sử dụng với mục đích riêng nên ông không đồng ý cùng có trách nhiệm với bà P trả khoản nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch vay tiền giữa ông B và bà P được thực hiện thông qua tài khoản thẻ của ông Phạm Vũ Nhật T, mặc dù các bên xác định bà P mượn thẻ của ông T để sử dụng nhưng chính ông T thừa nhận có biết việc ông B chuyển tiền vay cho bà P thông qua tin nhắn điện thoại. Mặt khác, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân

của bà P và ông T nên căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình cấp sơ thẩm buộc ông T cùng có nghĩa vụ với bà P thanh toán khoản tiền 300.000.000 đồng cho ông B là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 36/2022/DS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 5; Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hà B về việc yêu cầu ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

2. Buộc ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hà B số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P phải chịu là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Ông Nguyễn Hà B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.125.000 đồng theo biên lai thu số 0001882 ngày 03/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được nhận lại. Các đương sự nhận và nộp án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Vũ Nhật T và bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông Phạm Vũ Nhật T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002321 ngày 16/5/2022 và bà Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002320 ngày 16/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều